

Số: /QĐ-TCĐBVN

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình: Sửa chữa mặt đường đoạn Km125+300-Km126+156; Km127+100-Km127+774; Km127+881-Km128+370/QL.21, tỉnh Hà Nam

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Văn bản số 6259/BGTVT-KCHT ngày 30/6/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận danh mục công trình chuẩn bị đầu tư cho kế hoạch bảo trì hệ thống quốc lộ năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3298/QĐ-TCĐBVN ngày 20/7/2021 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa trên hệ thống quốc lộ;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 1605/TTr-SGTVT ngày 20/9/2021 của Sở GTVT Hà Nam về việc Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa mặt đường đoạn Km125+300-Km126+156, Km127+100-Km127+774; Km127+881-Km128+370/QL.21, tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm định số 1437/BCTĐ-QLBTĐB ngày 26/10/2021 của Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa mặt đường đoạn Km125+300-Km126+156, Km127+100-Km127+774; Km127+881-Km128+370/QL.21, tỉnh Hà Nam.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải Hà Nam.

3. Tổ chức Tư vấn lập Báo cáo KTKT: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng giao thông Hà Nam.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo KTKT: Ks.Vũ Văn Giang.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Sửa chữa mặt đường các đoạn Km125+300-Km126+156, Km127+100-Km127+774, Km127+881-Km128+370, QL.21, tỉnh Hà Nam để bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, nâng cao an toàn của công trình đường bộ, đảm bảo duy trì tuổi thọ công trình, bảo đảm giao thông an toàn và thông suốt nhằm phát huy hiệu quả khai thác của tuyến đường.

6. Nội dung sửa chữa:

Sửa chữa mặt đường các đoạn Km125+300-Km126+156, Km127+100-Km127+774, Km127+881-Km128+370/QL.21 (L=2.134,96m: Bao gồm cả các đoạn vượt nhập) có chiều rộng trung bình Bm=10,5m, Bn= 11,5m; mặt đường bê tông nhựa tiến hành sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, thảm BTN và hoàn trả hệ thống ATGT;

7. Địa điểm xây dựng: Quốc lộ 21, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

8. Diện tích sử dụng đất: Trong phạm vi đất dành cho đường bộ (không GPMB).

9. Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật chính áp dụng của dự án:

- TCVN 4054:05 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- 22TCN211-06 Áo đường mềm - Các yêu cầu chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 7493:2005 Bitum - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8818:2011 Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8819:2011 Mặt đường bê tông nhựa nóng - Yêu cầu thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8817:2011 Nhũ tương nhựa đường a xít - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCVN 4506:2012 Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 4506:2012 Xi măng Pooclăng - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8791:2018 Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8787:2011 Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- Thông tư 27/2014/TT-BGTVT ngày 28/7/2014 của Bộ GTVT quy định về quản lý chất lượng nhựa đường sử dụng trong công trình giao thông;
- Hướng dẫn áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn hiện hành nhằm tăng cường quản lý chất lượng thiết kế và thi công mặt đường bê tông nhựa nóng đối với các tuyến đường ô tô có quy mô giao thông lớn Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/03/2014 của Bộ GTVT;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác có liên quan do cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền ban hành, công bố.

10. Phương án xây dựng:

*** Giải pháp thiết kế:**

10.1. Sửa chữa cục bộ mặt đường hư hỏng rạn nứt mai rùa, lún lõm:

- Tiến hành đào bỏ lớp mặt đường cũ dày trung bình 7cm; sau đó tưới thấm bảm bằng nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn 1.0kg/m²; tiến hành thảm hoàn trả đến cao độ mặt đường cũ bằng lớp BTN C19, chiều dày 7cm. Diện tích: 1.419,7m².

10.2. Sửa chữa cục bộ mặt đường bị cao su hư hỏng nặng:

- Tiến hành đào bỏ mặt đường cũ dự kiến sâu 40cm; sau đó hoàn trả các lớp kết cấu từ dưới lên như sau: Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 18cm; Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; tưới nhựa thấm bảm bằng nhũ tương CSS-1, tiêu chuẩn 1.0kg/m²; thảm lớp BTN C19 dày 7cm. Diện tích: 112,95m².

10.3. Sửa chữa tăng cường mặt đường

- Sau khi sửa chữa cục bộ như trên tiến hành cào tạo phẳng bù vênh tạo mui luyện, vệ sinh, tưới dính bảm bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m² sau đó thảm tăng cường toàn bộ mặt đường bằng BTN C12,5 dày 5cm, (kết hợp bù vênh mặt đường bằng BTN C12,5 dày trung bình 1,9cm, rải cùng lúc với lớp thảm BTN mặt đường). Diện tích: 22.423,9m².

(Chi tiết khối lượng và vị trí trong hồ sơ BCKTKT kèm theo).

- Lè đường: Vuốt về mép rãnh hiện trạng bằng bê tông xi măng M200.

10.4. Hoàn trả hệ thống an toàn giao thông:

Hoàn trả các vạch sơn phân làn, dẫn hướng; vạch mắt võng; vạch giảm tốc,... theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

(Chi tiết khối lượng và vị trí trong hồ sơ BCKTKT kèm theo).

11. Đảm bảo giao thông và môi trường:

Chủ đầu tư chỉ đạo nhà thầu xây lắp tổ chức đảm bảo ATGT, môi trường trong suốt quá trình thi công theo các quy định hiện hành.

(Các nội dung cụ thể trong hồ sơ dự án được duyệt và bảng khối lượng chủ yếu kèm theo Quyết định này)

12. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ.

13. Tổng mức đầu tư: 7.271.657.000 đồng.

(Bằng chữ: Bảy tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.227.775.000	đồng;
- Chi phí Quản lý dự án:	136.966.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	449.358.000	đồng;
- Chi phí khác:	111.289.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	346.269.000	đồng;

14. Nguồn vốn đầu tư: Sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách Nhà nước).

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý điều hành dự án.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021- 2022 (theo dự toán chi được giao).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chỉ đạo TVTK hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo KTKT theo Báo cáo thẩm định số 1437/BCTĐ – QLBTĐB ngày 26/10/2021;

- Chủ đầu tư phối hợp, chỉ đạo TVTK, Nhà thầu thi công thiết kế thành phần bê tông nhựa phù hợp với điều kiện vật liệu, khí hậu địa phương và đặc điểm giao thông của đoạn tuyến. Tỷ lệ nhựa, thành phần cấp phối tham khảo quy định tại Văn bản số 9297/BGTVT-KHCN ngày 31/7/2014; Quyết định số 858/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2014 của Bộ Giao thông vận tải;

- Căn cứ dự toán chi được giao, Chủ đầu tư tổ chức xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp, trình Tổng cục ĐBVN xem xét phê duyệt và tổ chức thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng;

- Quá trình triển khai phải tổ chức quản lý dự án đúng quy định; giám sát chất lượng, khối lượng và các nội dung khác chặt chẽ;

- Trên cơ sở Quyết định này, Chủ đầu tư tiến hành thực hiện các bước tiếp, theo quy định của pháp luật về xây dựng, giai đoạn thực hiện dự án, Chủ đầu tư điều chỉnh định mức theo quy định tại thời điểm thực hiện.

Điều 3. Giám đốc Sở GTVT Hà Nam, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Kho Bạc NN địa phương;
- Vụ KHĐT;
- Lưu: VT, QLBTĐB (Lanh).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Thắng